TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 7 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Nghị.

2. Ông Trần Văn Nghiệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Qúi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn, con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T có mặt, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày và yêu cầu:

Về hôn nhân: Anh T và chị N chung sống với nhau vào năm 2014, đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ theo giấy chứng nhận số 85 ngày 12/10/2015. Đến giữa năm 2018 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên

nhân do chị N thường xuyên bỏ nhà vì không sống được với cha mẹ chồng. Hiện nay không liên lạc được với chị N. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, anh T cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo Châu sinh ngày 01/01/2015. Cháu Châu đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến chị N đối với yêu cầu của anh T trong hồ sơ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ kết quả tranh tụng và các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung được quy định tại Khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[3] Xét về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị N là hợp pháp. Quá trình sống chung do chị N thường xuyên bỏ nhà đi. Đối với chị N vẫn vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của chị trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị N ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, anh chị không cùng nhau khắc phục, mà để việc ly thân kéo dài. Điều này chứng tỏ về tình cảm giữa anh T và chị N đã mâu thuẩn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu ly hôn với chị N là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo Châu sinh ngày 01/01/2015. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Châu đang sống chung với anh T và anh T chăm sóc vẫn đảm bảo để cháu Châu phát triển bình thường. Do đó, để ổn định về mọi mặt của cháu Châu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Châu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Anh T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì anh T phải chịu án phí theo quy định.

[8] Xét ý kiến Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Minh T.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Bảo Châu sinh ngày 01/01/2015 cho anh Lê Minh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Minh T nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp theo biên lai thu số 40179 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên anh T đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo trình tự phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt được tính từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tám